

ĐẶC ĐIỂM TRÍ NHỚ CỦA HỌC SINH HỌC NGHỀ NGƯỜI DÂN TỘC VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ ĐÔNG NAM BỘ

Nguyễn Thị Lan

ABSTRACT

Proper attachment of special importance to the private psychological characteristics and the specific characteristics in cultures of the ethnic groups is more and more required in competency-based-training and student-centered-training in multicultural and integrated contexts. Which psychological characteristics of the ethnic youths in Tay Nguyen and Southeast provinces need to be noticed in vocational training? This article is about to present some research outcomes on memory characteristics of the vocational ethnic students in Tay Nguyen and Southeast provinces analysed from the data of the research B2004-19-44TĐ.

TÓM TẮT

Chú trọng một cách đúng mức đến các đặc điểm tâm lý cá nhân, đặc trưng văn hóa dân tộc là đòi hỏi ngày càng gia tăng của dạy học theo năng lực thực hiện, dạy học tích cực hóa trong bối cảnh hội nhập và đa văn hóa. Những đặc điểm tâm lý học nào cần chú ý ở học sinh các dân tộc ít người vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ trong lĩnh vực đào tạo nghề? Bài báo này giới thiệu một số kết quả nghiên cứu về đặc điểm trí nhớ của học sinh học nghề người dân tộc ít người vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ thu được từ đề tài B2004-19-44TĐ.

I. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Cùng với phân tích nhu cầu đào tạo, việc phân tích người học (hay nghiên cứu đặc điểm người học) luôn là bước đầu tiên trong mọi mô hình thiết kế dạy học. Kết quả của các phân tích này là yếu tố quan trọng để xây dựng chương trình, đề ra các chiến lược dạy và học hiệu quả, thiết kế hoạt động dạy, hoạt động học cũng như lựa chọn phương pháp, phương tiện cho phù hợp. Hơn nữa, tôn trọng các đặc điểm văn hóa truyền thống, niềm tin, các đặc tính dân tộc, ... là một yêu cầu bắt buộc của giáo dục trong thời đại hội nhập, trong bối cảnh đa văn hóa hiện nay.

Cho đến nay, việc nghiên cứu những đặc điểm tâm lý học tập của học sinh học nghề ở Việt nam chưa nhiều, đặc biệt là những nghiên cứu với đối tượng học sinh thuộc các vùng miền văn hóa đặc thù. Điều này gây ra nhiều khó khăn cho việc thiết kế chương trình, giáo trình – tài liệu cũng

như tổ chức dạy học; đồng thời cũng gây ra không ít lãng phí những nguồn ngân sách còn hạn chế của giáo dục hiện nay.

Ý thức được điều này, đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp bộ mang mã số B2004-19-44TĐ do nhóm nghiên cứu của thạc sĩ Đỗ Mạnh Cường đề xuất và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua. Đề tài mang tên “Nghiên cứu đặc điểm học nghề của thanh niên dân tộc ít người các tỉnh Tây nguyên và Đông Nam Bộ”. Với mục đích tìm hiểu các đặc điểm tâm lý cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề của học sinh dân tộc ít người Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu thực hiện một loạt các khảo sát: từ xu hướng và động cơ chọn nghề cho đến những đặc điểm của các quá trình nhận thức như trí nhớ, tư duy và các đặc điểm về ngôn ngữ, ...

Bài viết này, trình bày một số kết quả khảo sát đặc điểm về trí nhớ của học sinh dân tộc trong học nghề để cung cấp cho

các nhà sư phạm những thông tin tham khảo trong việc thiết kế chương trình, nội dung, giáo trình, tài liệu cũng như xây dựng các phương pháp, khai thác phương tiện và tổ chức dạy học một cách phù hợp và hiệu quả.

II. QUAN ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Xuất phát từ quan điểm: muốn tổ chức và điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học một cách hiệu quả, phải hiểu được đặc điểm của hoạt động đó ở họ. Những hiểu biết về các đặc điểm hoạt động nhận thức của học sinh không những giúp cho người giáo viên có các tác động sư phạm phù hợp, mà còn hỗ trợ cho học sinh xác định cho mình phương pháp học hiệu quả.

Các nhà nghiên cứu sư phạm cho rằng, tham gia vào việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo là toàn bộ các hoạt động nhận thức, xong phải kể tới ba quá trình căn bản nhất là: tri giác, trí nhớ, và tư duy. Họ đặc biệt quan tâm đến khâu trí nhớ - vì đây chính là nguyên liệu cho hoạt động tư duy nhằm đưa đến sự lĩnh hội tri thức. Họ cũng chỉ ra rằng, trong quá trình học tập, nghiên cứu, hoạt động nhận thức chỉ thực sự bắt đầu khi học sinh chuyển được những điều đã tri giác thành cái được tái hiện (tức sự gợi lại trong trí nhớ).

Các công trình nghiên cứu về các quy luật hoạt động trí óc trong việc tiếp thu tri thức đã chứng minh việc phân biệt hai quá trình tri giác và tái hiện rất quan trọng trong dạy học, có như thế mới không có sự lẫn lộn đã nghe, đã nhìn tức là đã biết. Nếu không tái hiện lại được những gì đã nghe, đã nhìn thì sẽ không có nguyên liệu cho việc hiểu, như vậy hoạt động học tập không thể diễn ra được.

Vì thế nếu cả người dạy lẫn người học không quan tâm đến những đặc điểm đặc thù của quá trình tái hiện ở các cá nhân để có những biện pháp hỗ trợ thích hợp cho học sinh trong việc thực hiện cho được sự tái hiện thì sẽ gặp khó khăn trong việc dạy và học.

Như vậy quá trình trí nhớ có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong học tập lĩnh hội tri thức nghề nghiệp: khi học sinh cần lĩnh hội một tài liệu nào đó (lý thuyết hay thực hành), họ phải tri giác để nhận biết đối tượng cần lĩnh hội (khái niệm hay một thao tác), sau đó phải tái hiện được trong trí nhớ. Sự lĩnh hội chỉ chính xác, chắc chắn khi hình ảnh về đối tượng đó được gợi lại trong đầu là sáng rõ, chính xác.

Con người tiếp nhận đối tượng nhận thức bằng nhiều kênh khác nhau (thông qua các giác quan), nhưng trong việc học tập tiếp thu tri thức, thì ba kênh sau đây được sử dụng nhiều hơn cả:

- Kênh hình ảnh (nhìn)
- Kênh âm thanh (nghe – ngôn ngữ nói)
- Kênh vận động (thao tác)

Các nhà tâm lý học đã chứng minh, mỗi cá nhân có những ưu thế khác nhau trong việc tri giác và nhớ lại theo ba loại kênh nói trên. Vì vậy, nếu hoạt động nhận thức của học sinh thiên về hướng tri giác và tái hiện theo kênh hình ảnh hoặc vận động, giáo viên lại thiên về dùng lời nói trong quá trình giảng dạy sẽ là trở ngại cho việc tiếp thu của học sinh. Theo đó, trong phạm vi nghiên cứu này nhóm nghiên cứu khảo sát và đánh giá khả năng tri giác và tái hiện theo ba kênh nói trên ở học sinh dân tộc ít người Tây Nguyên. Hay nói khác là nghiên cứu xem năng lực trí nhớ của học sinh thiên về hướng nào để thực hiện dạy học cho phù hợp.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU

Ngoài các phương pháp trò chuyện, nghiên cứu tài liệu, nhóm nghiên cứu lựa chọn phương pháp quan sát trong các điều kiện hoạt động được qui định trước là phương pháp nghiên cứu cơ bản, vì phương pháp này cho phép thu được những giá trị chính xác với mức sai số có thể không chế được nhờ việc chuẩn bị và kiểm soát tốt các điều kiện thực hiện.

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế công cụ để thực hiện ba loại thực nghiệm khảo sát nhằm đánh giá mức độ của ba loại trí nhớ ở học sinh: ngôn ngữ – hình ảnh – thao tác.

Khảo sát được tiến hành với mẫu 470 học sinh là người dân tộc ít người Tây nguyên đang học tại các trường và cơ sở đào tạo nghề trên các địa bàn các tỉnh: Đồng Nai, Bình Phước, Đắk Lắk, Gia Lai.

Sau đây là các khảo sát nhóm nghiên cứu đã tiến hành:

Khảo sát 1: Mục đích: nghiên cứu khả năng tái hiện ngôn ngữ (lời nói)

Khảo sát 2: Mục đích: nghiên cứu khả năng tái hiện hình ảnh

Khảo sát 3: Mục đích: nghiên cứu khả năng tái hiện thao tác

Các thực nghiệm tiến hành trong khảo sát 1, 2 và 3 được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các thực nghiệm khảo sát về trí nhớ trong các tài liệu: “Tuyển tập tâm lý học” do tác giả Phạm Minh Hạc chủ biên – NXB Giáo dục – 2002; “Bài tập thực hành tâm lý học” do tác giả Trần Trọng Thủy chủ biên – NXB Đại học Quốc gia Hà nội – 2002; “Trắc nghiệm tâm lý” (Tập 1, 2) do tác giả Ngô Công Hoàn chủ biên – NXB ĐHQG Hà Nội – 1997.

Cách đánh giá: Kết quả các khảo sát được đánh giá theo thang điểm 10. Các mức độ năng lực trí nhớ được chia làm 4 mức: tốt (7.5 – 10) – khá (5.5 – 7.5) – trung bình (2.5 – 5.5) – kém (0 – 2.5).

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Kết quả chung (%)

(%)	Trí nhớ ngôn ngữ	Trí nhớ hình ảnh	Trí nhớ thao tác
Kém	19.15	6.38	9.09
TB	44.68	34.04	33.33
Khá	25.53	55.32	39.39
Tốt	10.64	4.26	18.18

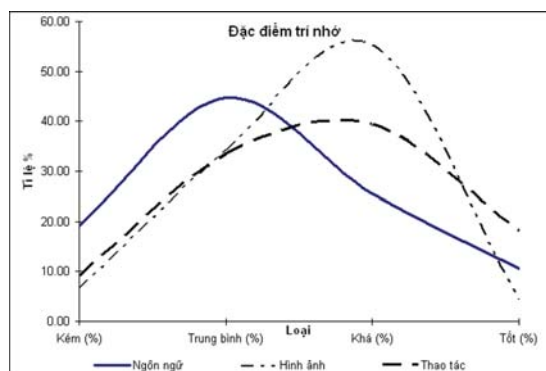
Bảng 1

Sau khi xử lý thống kê, nhóm nghiên

cứ thu được kết quả sau:

	Trí nhớ ngôn ngữ	Trí nhớ hình ảnh	Trí nhớ thao tác
Mean	4.08	5.17	5.60
SD	2.11	1.90	2.20
T-test (0.05)	4.68	5.72	6.35
	3.47	4.63	4.85

Bảng 2



Hình 1: Đặc điểm trí nhớ

2. Nhận xét

- Kết quả ở bảng 1 cho thấy, trong ba loại trí nhớ được khảo sát, tỉ lệ kém cao nhất thuộc về khả năng tái hiện ngôn ngữ (chiếm 19,15 %), so với khả năng tái hiện hình ảnh và thao tác có tỷ lệ kém thấp hơn (6,38 và 9,09 %).

- Tỷ lệ học sinh có khả năng tái hiện ngôn ngữ ở mức trung bình và kém chiếm tới 63,83 %, trong khi khả năng tái hiện hình ảnh và thao tác ở hai mức này lần lượt là 40,43% và 42,42 %.

- Khả năng tái hiện ngôn ngữ cũng có tỉ lệ thấp nhất ở hai mức khá và tốt, (chỉ 36,17 %), còn tái hiện hình ảnh và thao tác có tỷ lệ khá cao ở hai mức này (59,57 % và 57,58 %).

- Đặc biệt là khả năng tái hiện thao tác có tỷ lệ tốt cao nhất (18,18 %), tỷ lệ kém khá thấp (9,09 %) so với ngôn ngữ có tỷ lệ kém cao và tỷ lệ tốt thấp.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: trị số trung bình của khả năng tái hiện ngôn ngữ là thấp nhất (mean: 4.08) so với trị số trung

biên của khả năng tái hiện hình ảnh (mean: 5.17) và trị số này cao nhất ở khả năng tái hiện thao tác (mean: 5.60). Điều đáng chú ý là cả ba trị thống kê này không những thể hiện khả năng trí nhớ nói chung của học sinh ở mức độ trung bình yếu, mà còn cho thấy sự không đồng đều khá lớn, thể hiện ở độ lệch chuẩn trong cả ba loại đều cao (SD: lần lượt ở từng loại là: 2.11 – 1.90 – 2.20). Sự không đồng đều này xuất phát từ trình độ văn hóa chênh lệch giữa các đối tượng khảo sát. Khi đối tượng khảo sát là học sinh các trường nghề chính qui thì kết quả luôn cao hơn học sinh trong các cơ sở đào tạo ngắn hạn.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu nói trên cho ta thấy, nhìn chung khả năng trí nhớ của học sinh dân tộc ít người Tây Nguyên trong các trường nghề ở mức độ trung bình yếu, có phần thiên về xu hướng nhận biết và tái hiện các tài liệu dưới dạng hình ảnh và thao tác hơn là các tài liệu dưới dạng ngôn ngữ. Sở dĩ như vậy do học sinh dân tộc khi được học tập tập trung tại các trường dạy nghề, nơi mà việc giảng dạy và học tập dùng hoàn toàn tiếng phổ thông, điều này gây khó khăn không ít khi vốn ngôn ngữ phổ thông của họ thường hạn chế. Điểm nổi bật

là trí nhớ hình ảnh và trí nhớ thao tác của học sinh khá tốt, điều này rất có lợi cho việc học nghề nếu như có tài liệu – phương tiện dạy học phù hợp. Nội dung giảng dạy trong các trường nghề cho học sinh các dân tộc ít người cần đặc biệt chú trọng đến tính trực quan và tính thực tiễn, cố gắng thực hành trong các điều kiện giống như thật và giảm tối đa những kiến thức lý thuyết chưa dùng tới.

Như thế, khi thực hiện hoạt động giảng dạy phải lưu ý tới đặc điểm nói trên để thiết kế chương trình, nội dung cũng như chuẩn bị tài liệu và các phương tiện dạy học phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu tri thức của các em. Mặt khác việc nghiên cứu các đặc điểm về ngôn ngữ của họ để cũng rất quan trọng nhằm cung cấp cho các nhà sư phạm những tham khảo cần thiết để soạn thảo tài liệu – giáo trình cho phù hợp. Công việc này được nhóm nghiên cứu thực hiện trong một khảo sát khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyển tập tâm lý học – Phạm Minh Hạc – NXB Giáo dục, 2002.
2. Trắc nghiệm tâm lý (Tập 1, 2) – Ngô Công Hoàn – NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.
3. Dạy và học hợp quy luật hoạt động trí óc – Nguyễn Hữu Lương – NXB VHTT, 2002.